

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NHÂN ĐẠO VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NHÂN ĐẠO VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM HUMAN SERVICES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108231644

**3. Ngày thành lập:** 12/04/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 2, Đường Liên Mạc, Phường Liên Mạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0936 056 071

Fax:

Email: [chauhoa999999@gmail.com](mailto:chauhoa999999@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng<br>(chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)<br><br>(Đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | 8710        |
| 2.  | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                                                   | 1030        |
| 3.  | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản                                                                                                                                                                                                                  | 1080        |
| 4.  | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng<br>Chi tiết: - Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai;                                                                                                                                                        | 1104(Chính) |
| 5.  | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu                                                                                                                                                                                                                          | 2100        |
| 6.  | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                                                                                                                          | 2392        |
| 7.  | Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá                                                                                                                                                                                | 3530        |
| 8.  | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                                                                  | 3700        |
| 9.  | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                                       | 3821        |
| 10. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                          | 4100        |
| 11. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ đấu giá ô tô và xe có động cơ khác)                                                                                                                                                                                  | 4513        |
| 12. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                         | 4620        |
| 13. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                           | 4641        |
| 14. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                             | 4649        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 15. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 0810 |
| 16. | Khai thác và thu gom than bùn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 0892 |
| 17. | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2394 |
| 18. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2395 |
| 19. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2610 |
| 20. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4210 |
| 21. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4719 |
| 22. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(trừ hoạt động của nhà đầu giá (bán lẻ))                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4774 |
| 23. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7710 |
| 24. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5510 |
| 25. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5629 |
| 26. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản;                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6810 |
| 27. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7310 |
| 28. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: - Đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7810 |
| 29. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8110 |
| 30. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8130 |
| 31. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8230 |
| 32. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Cung cấp dịch vụ xử lý báo cáo văn bản và sao chép tốc ký như: Dịch vụ ghi tốc ký, Dịch vụ tốc ký công cộng;<br>- Thuyết minh thời gian trình chiếu chương trình truyền hình về các cuộc họp;<br>- Địa chỉ mã vạch;<br>- Dịch vụ sắp xếp thư;<br>- Dịch vụ trông giữ xe;<br>- Hoạt động hỗ trợ khác cho kinh doanh chưa được phân vào đâu; | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ BẦY | 39A, Thành Công, Phường Tiên Cát, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam         | Cổ phần phổ thông | 200.000    | 2.000.000.000         | 10,000    | 131128569                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số           | 200.000    | 2.000.000.000         | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | TẠ MINH CHÂU   | Tổ 2 Cụm I, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông | 200.000    | 2.000.000.000         | 10,000    | 001099007360                                                                                |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số           | 200.000    | 2.000.000.000         | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN THỊ HOA | Tổ 2, Cụm I, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam              | Cổ phần phổ thông | 1.600.000  | 16.000.000.000        | 80,000    | 025163000023                                                                                |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số           | 1.600.000  | 16.000.000.000        | 80,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HOA

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc*

Sinh ngày: 29/08/1963

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 025163000023

Ngày cấp: 07/10/2014

Nơi cấp: Cục CSĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ 2, Cụm I, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ 2, Cụm I, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội